

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 246/2021/DS-ST

Ngày: 13/12/2021

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hoà

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Bờ

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trung – Ông Nguyễn Nguyên Huân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 13/12/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 121/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2021/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2021/QĐST-DS, ngày 14 tháng 7 năm 2021; Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 1362/TB-TA, ngày 28/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 228/2021/QĐST-DS, ngày 24 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị Hải Y, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: Tổ 21, khóm M, phường N, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Phan Hữu L, sinh năm 1972; Bà Lâm Thị Tuyết H, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: Tổ 10, ấp M, xã N, huyện Y, tỉnh An Giang.

Bà Y có mặt; ông L, bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lương Thị Hải Y trình bày:

Ngày 24/9/2019, ông L và bà H có thỏa thuận vay của bà Y số tiền 431.000.000đ, thời hạn vay là 03 ngày (Từ ngày 24/9/2019 đến ngày 26/9/2019). Khi vay ông L, bà Y có làm biên nhận, có ký tên và lấn tay. Khi đến hạn trả nợ ông L và bà H chỉ trả cho bà Y số tiền 393.000.000đ, còn nợ lại 38.000.000đ đến nay vẫn chưa trả. Nay bà Y khởi kiện yêu cầu ông L, bà H phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền 38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ 29/9/2019 đến khi xét xử.

Bị đơn ông L, bà Y vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Đương sự có mặt thống nhất các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được Tòa án thu thập, các đương sự cung cấp là hợp pháp và được Tòa án chấp nhận. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp cho đương sự vắng mặt theo quy định. Do đó Tòa án sẽ xem xét làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà,

Nguyên đơn bà Y vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện. Bà yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 29/9/2019 đến ngày xét xử là ngày 12/12/2021, kể từ ngày 13/12/2021 trở về sau bà không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS; Bị đơn không thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quyền kháng cáo, án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toàn và quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Bà Y khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L, bà H trả số tiền vay là 38 triệu đồng. Do đó, HĐXX xác định đây là tranh chấp hợp đồng hợp đồng dân sự về việc vay tài sản. Ông L, bà Y có nơi cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều

26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.3] Về sự vắng mặt, có mặt của đương sự: Theo Biên nhận nợ ngày 24/9/2019 ông L, bà H ký nhận thể hiện địa chỉ của ông bà tại tổ 10, ấp Mỹ Thiện, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Theo Phiếu cung cấp thông tin của Công an xã Mỹ Đức thể hiện ông L, bà H có nơi cư trú tại ấp Mỹ Thiện, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú tỉnh An Giang. Việc ông bà bỏ địa phương mà không thông báo cho cơ quan quản lý nơi cư trú là xem như giấu địa chỉ. Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông bà theo địa chỉ trên nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà H.

[1.3] Về thời hiệu: Đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên HĐXX không xem xét là đúng theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1.] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Y yêu cầu ông L, bà H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 38 triệu đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 29/9/2019 đến khi xét xử, không yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 13/12/2021.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà Y đã cung cấp cho Toà án Biên nhận ngày 24/9/2019.

Xét yêu cầu trả số tiền nợ gốc của nguyên đơn:

HĐXX thấy rằng, Biên nhận ngày 24/9/2019 thể hiện nội dung ông L, bà H vay của bà Y số tiền 431 triệu đồng, thời hạn vay là 03 ngày kể từ ngày 24/9/2019 đến hết ngày 26/9/2019. Toà án đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với biên nhận này và thông báo kết quả của phiên họp nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến phản đối. Căn cứ vào Biên nhận ngày 24/9/2019 và lời trình bày của nguyên đơn, HĐXX có cơ sở xác định có sự kiện ông L, bà H có vay của bà Y số tiền 431 triệu đồng. Tuy nhiên, bà Y cho rằng ông L, bà H đã trả được cho bà 393 triệu nên bà chỉ khởi kiện yêu cầu ông L, bà H trả 38 triệu đồng.

Biên nhận ngày 24/9/2019 có thoả thuận về thời hạn trả là ngày 26/9/2019 nhưng không có thoả thuận về lãi suất. HĐXX thấy rằng việc vay của các bên có thoả thuận thời hạn trả nợ nhưng không có thoả thuận về lãi suất nên đây là hợp đồng vay có thời hạn và không có lãi.

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác*”.

Thời hạn trả tiền là ngày 26/9/2019 nhưng ông L, bà H không thực hiện là vi phạm thoả thuận về thời hạn trả tiền. Do đó, HĐXX có cơ sở xác định ông L, bà H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Y số tiền vay là 38 triệu đồng.

Xét yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn:

Như đã nhận định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn nhưng không có lãi, thời hạn thực hiện nghĩa vụ là ngày 26/9/2019.

Khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*”.

Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: 1. *Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực; 2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. HĐXX thấy rằng, ông L, bà H đã vi phạm thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nên phải trả lãi chậm trả. Về mức lãi suất, do các bên không thỏa thuận nên lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm trên số tiền gốc chậm trả.

Về thời hạn tính lãi: Mặc dù thời hạn thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận là ngày 26/9/2019 nhưng nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả kể từ ngày 29/9/2019 đến ngày xét xử là ngày 13/12/2021. HĐXX thấy rằng, việc xác định thời điểm bắt đầu tính theo yêu cầu của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Từ ngày 29/9/2019 đến ngày 13/12/2021 là (806 ngày : 365 ngày) X 38.000.000đ X 10% = 8.391.232đ (Tám triệu ba trăm chín mươi một nghìn hai trăm ba mươi hai đồng).

Như vậy, ông L, bà H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 13/12/2021 là 8.391.232đ (Tám triệu ba trăm chín mươi một nghìn hai trăm ba mươi hai đồng).

Do nguyên đơn không yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 13/12/2021 do đó HĐXX không xem xét tiếp tục tính lãi kể từ ngày tiếp theo đối với số tiền mà ông L, bà H còn thiếu.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147; điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Bị đơn ông L, bà H bị buộc chịu trách nhiệm trả tiền nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 173 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hải Y.

Buộc ông Phan Hữu L, bà Lâm Thị Tuyết H trả cho bà Lê Thị Hải Y số tiền 46.391.232đ (Bốn mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, hai trăm ba mươi hai đồng), trong đó vốn gốc là 38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng), tiền lãi chậm trả là 8.391.232đ (Tám triệu ba trăm chín mươi một nghìn hai trăm ba mươi hai đồng).

2. Về án phí:

Ông Phan Hữu L, bà Lâm Thị Tuyết H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.319.000đ (Hai triệu ba trăm mười chín nghìn đồng).

Bà Lê Thị Hải Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Lê Thị Hải Y 950.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006546 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ đối với đương sự vắng mặt, thì các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Chi cục THA DS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Hoà